

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 210/2018/HS-PT
Ngày 28-6- 2018.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Doãn Đình Quyến.

- *Các Thẩm phán:* Ông Y Thông Kbuôr

Ông Y Phi Kbuôr.

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thị Thê – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa:* Ông Dương Văn Đức - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 6 năm 2018, tại Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ L số 156/2018/TLPT-HS ngày 09/5/2018 đối với bị cáo Trần Thị T và các bị cáo kháng do có kháng cáo của bị cáo đồng thời là người bị hại Đặng Thị H đối với bản án hình sự sơ thẩm số 13/2018/HS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo kháng cáo: Họ và tên: Đặng Thị H, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1980; tại tỉnh Bình Định; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo; Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn N và bà Nguyễn Thị T; có chồng là Hồ Văn T, sinh năm 1978 và có 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Bị cáo bị kháng cáo:

1. Họ và tên: Trần Thị T sinh ngày 06 tháng 3 năm 1958; tại tỉnh Quảng Nam; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm nông; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo; Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc N và bà Nguyễn Thị T (đã chết); có chồng là Nguyễn Minh N (đã chết) và có 03 con; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh L sinh ngày 07 tháng 6 năm 1991; tại tỉnh Đắk Lắk; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Nghề nghiệp: Làm

nông; trình độ học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh N (đã chết) và con bà Trần Thị T, sinh năm 1958; bị cáo có 01 con sinh năm 2012; Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Những người tham gia tố tụng khác có kháng cáo hoặc có liên quan đến kháng cáo:

Người bào chữa cho bị cáo H: Ông Nguyễn Đức D - Luật sư thuộc Chi nhánh Công ty Luật TNHH MTV K tại Đắk Lắk– Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt).

Địa chỉ: đường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bị hại:

- Trần Thị T (là bị cáo trong vụ án) – có mặt.
- Đặng Thị H (là bị cáo trong vụ án) – có mặt.

Cùng địa chỉ: thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Nguyễn Thị Thanh L (là bị cáo trong vụ án) – có mặt.
- Nguyễn Minh C, sinh ngày 10/9/2002 – vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Nguyễn Minh C: Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1983 có mặt và bà Phạm Thị Mỹ H – vắng mặt.

Cùng địa chỉ: thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Người làm chứng:

- Bà Trần Thị Hồng N, sinh năm 1976 – vắng mặt.
- Cháu Phạm Thị Hà M, sinh năm 1999 – vắng mặt.
- Ông Vũ Viết T; sinh năm 1973 – vắng mặt.
- Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1977 – vắng mặt.
- Ông Hồ T2, sinh năm 1940 – vắng mặt.
- Bà Trần Thị T4, sinh năm 1941 – vắng mặt.
- Cháu Hồ Văn T3, sinh ngày 22/3/2006 – có mặt.

Người đại diện theo pháp luật của cháu T3: Ông Hồ Văn T (có mặt), sinh năm 1978 và bà Đặng Thị H (là bị cáo trong vụ án).

Cùng địa chỉ: thôn Đ, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn trong cuộc sống giữa hai gia đình Trần Thị T và Đặng Thị H nên vào khoảng 10 giờ ngày 30/12/2016, Đặng Thị H, trú tại thôn Đ, xã Q, huyện C đi đổi nước tại quán của bà Trần Thị Hồng N ở cùng thôn, (quán của bà N cách nhà Trần Thị T, ở cùng thôn khoảng hơn 50m) khi đó H nói to “bà T ăn cắp bát của bà N”. Nghe H nói vậy Trần Thị T và con gái là Nguyễn Thị Thanh L cùng nhau đi tới chỗ H đổi nước để hỏi rõ lý do H nói T ăn cắp. Khi đi T cầm trên tay 01 cục đá, còn L thì đi tay không. Khi T và H đi gần tới chỗ H đứng thì H chạy tới gốc cây trước góc quán của bà N nhặt 01 vỏ chai thủy tinh và đập vỡ phần đáy chai và cầm trên tay. T, L đi đến sát chỗ H đứng thì hai bên xông vào xô xát với nhau, T cầm cục đá đánh vào cung mày trái H thì H dùng vỏ chai thủy tinh đâm vào vị trí nhân trung trên mặt T, khi đó L dùng tay nắm tóc H thì bị H dùng vỏ chai đâm vào mu bàn tay và ngón cái bàn tay phải của L. T tiếp tục dùng đá đánh vào đầu H, H bị đánh bị choáng nên thả vỏ chai thủy tinh ra thì T nhặt được vỏ chai thủy tinh, hai bên tiếp tục vật lộn nhau từ mép đường bên quán Thạch Nhiên qua tới mép đường bên đối diện. Trong lúc vật lộn T cầm vỏ chai thủy tinh đâm vào vùng thái dương sát tai trái của H đồng thời dùng vỏ chai thủy tinh đâm vào đùi trái của H gây thương tích. Trong lúc hai bên vật lộn nhau dưới rãnh thoát nước bên mép đường đối diện với quán của bà N, T gọi “C, C” thì Nguyễn Minh C, là cháu nội của T chạy từ nhà tới dùng chân đá nhiều cái vào lưng H. Khi đó con của Đặng Thị H là Hồ Văn T3 kêu cứu thì những người dân đi đường và hàng xóm vào can ngăn. Sau khi sự việc xảy ra Đặng Thị H và Trần Thị T được đưa đi bệnh viện điều trị, còn Nguyễn Thị Thanh L thì không đi điều trị tại bệnh viện mà đến nhà chị Hà Thị L, ở cùng thôn để khâu vết thương và mua thuốc tự điều trị.

Tại kết luận pháp y thương tích số 627/PY- TgT ngày 11/5/2017 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận: Đặng Thị H bị đa thương phần mềm đơn thuần 10% (mười phần trăm) vật tác động sắc, bén.

Tại kết luận pháp y thương tích số số 628/PY- TgT ngày 11/5/2017 của Trung tâm giám định pháp y tỉnh Đắk Lắk kết luận Trần Thị T bị vết thương vùng nhân trung 02% (hai phần trăm), vật tác động sắc, nhọn (bén).

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 13/2018/HSST ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar đã quyết định:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị T, Đặng Thị H và Nguyễn Thị Thanh L phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Áp dụng điểm a khoản 1, Điều 104; điểm h khoản 1 Điều 46; Điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Đặng Thị H 6 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Áp dụng điểm a khoản 1, Điều 104; điểm b, h khoản 1 Điều 46; Điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999.

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 9 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ. Tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh L 6 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Đặng Thị H, Trần Thị T, Nguyễn Thị Thanh L cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C nơi các bị cáo thường trú để giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 2 Điều 42 Bộ luật hình sự; khoản 1 Điều 584, Điều 586, Điều 590 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Đặng Thị H phải bồi thường cho Trần Thị T người số tiền 3.686.000 đồng.

Áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 để tính lãi suất chậm trả khi đương sự có đơn yêu cầu thi hành án.

Ghi nhận việc bị cáo Trần Thị T và bị cáo Nguyễn Thị Thanh L tự nguyện nộp số tiền 2.000.000 đồng (nộp ngày 14/3/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự, biên lai số: 11930) để bồi thường cho Đặng Thị H.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo cho bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

Ngày 14/4/2018, bị cáo đồng thời là người bị hại Đặng Thị H kháng cáo bản án sơ thẩm đề nghị giám định lại tỷ lệ thương tích của bị cáo, xem xét lại diễn

biên toàn bộ nội dung vụ án, yêu cầu bồi thường thiệt hại, đề nghị miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo và tăng mức hình phạt đối với bị cáo T và bị cáo L.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo khai bị cáo có mâu thuẫn và xô xát với bị cáo T và L nhưng bị cáo không gây thương tích cho bị cáo T và L đồng thời thừa nhận về cơ bản hành vi của mình như bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã phân tích, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử các bị cáo về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo khoản 1 Điều 104 BLHS là có căn cứ pháp L, đảm bảo đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét kháng cáo của bị cáo đồng thời là người bị hại Đặng Thị H là không có cơ sở chấp nhận, hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp, tương xứng với tính chất mức độ do hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo cũng không cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ nào mới hay tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo T và bị cáo L. Do vậy, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Tại phiên tòa hôm nay, người bào chữa cho bị cáo H cho rằng, Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo T và bị cáo L về tội cố ý gây thương tích là đúng người, đúng tội, tuy nhiên, mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với hai bị cáo T và L là quá nhẹ, chưa tương xứng với hành vi của các bị cáo gây ra cho bị cáo H. Tòa án không áp dụng tình tiết "có tính chất côn đồ" và "có ý phạm tội đến cùng" đối với hai bị cáo T và L là thiếu sót. Đồng thời cho rằng, quá trình tiến hành tố tụng, cấp sơ thẩm có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng về thành phần Hội đồng giám định nên đề nghị hủy bản án hình sự sơ thẩm để điều tra lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Mặc dù lời khai của bị cáo mâu thuẫn với nhau và các bị cáo đều không thừa nhận hành vi gây thương tích cho người khác, tuy nhiên căn cứ vào các lời khai của những người làm chứng, vật chứng thu được tại hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, kết luận pháp y thương tích, lời khai của các bị cáo và vào các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án, có đủ căn cứ khẳng

định: Do có mâu thuẫn trong cuộc sống giữa hai gia đình Trần Thị T và Đặng Thị H nên vào khoảng 10 giờ ngày 30/12/2016 trong lúc xô xát, vật lộn với nhau bị cáo Trần Thị T có hành vi dùng cục đá và vỏ chai thủy tinh bị vỡ gây thương tích cho bị cáo H; bị cáo Đặng Thị H có hành vi dùng vỏ chai thủy tinh bị vỡ gây thương tích cho Trần Thị T; bị cáo Nguyễn Thị Thanh L có hành vi vật lộn, túm tóc bị cáo H. Hậu quả Đặng Thị H bị thương tích 10%, Trần Thị T bị thương tích 02%, Nguyễn Thị Thanh L bị thương nhẹ ở mu bàn tay và ngón cái tay phải. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy bản án sơ thẩm số 13/2018/HSST ngày 06/4/2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar đã xét xử các bị cáo về tội: “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 104 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo H yêu cầu giám định lại tỷ lệ thương tích, thấy rằng: Sau khi bị cáo và bị cáo H xô xát với nhau, bị cáo được chồng đưa đi điều trị tại bệnh viện huyện Cư M'gar. Tại bản tổng kết bệnh án số 17/BA-BV ngày 11/4/2017 của bệnh viện đa khoa huyện Cư M'gar (Bút lục số 31) thể hiện các vết thương trên cơ thể của bị cáo H tại thời điểm thăm khám hoàn toàn phù hợp với thương tích tại Bản kết luận pháp ý thương tích số 267/Py-TgT ngày 11/5/2017 của Trung tâm pháp y tỉnh Đắk Lắk (Bút lục số 30) và hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Biên bản hỏi cung ngày 17/10/2017 tại Công an huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk (Bút lục số 104). Do vậy, căn cứ Điều 159 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003, không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bị cáo đề nghị giám định lại thương tích.

[3] Xét nội dung kháng cáo của bị cáo đề nghị tăng hình phạt đối với hai bị cáo T và bị cáo L, đồng thời xem xét miễn trách nhiệm hình sự cho bị cáo, thấy rằng: Mức hình phạt mà tòa án nhân dân huyện Cư M'gar xử phạt cho các bị cáo là phù hợp. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự cho bị cáo H và bị cáo L. Đối với bị cáo T, bị cáo có thời gian tham gia thanh niên xung phong từ năm 1977 đến năm 1980 (Bút lục số 84), nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo T là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm. Do vậy, căn cứ theo Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội, Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, áp dụng thêm điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo T. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, bị cáo H có cung cấp tình tiết có bố bị cáo ông Đặng Văn N, là người có công với cách mạng. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS, tuy

nhiên mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng với bị cáo là phù hợp, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo.

[4] Xét kháng cáo của bị cáo H về phần trách nhiệm dân sự, thấy rằng: Bị cáo H đồng thời là người bị hại trong vụ án. Quá trình xét xử tại cấp sơ thẩm, bị cáo không cung cấp các chứng cứ chứng minh cho yêu cầu của mình về thời gian điều trị, chi phí thuốc men và các chi phí hợp L khác, do vậy Tòa án cấp sơ thẩm tuyên dành quyền khởi kiện cho bị cáo trong một vụ án dân sự khác là hoàn toàn phù hợp. Quá trình xét xử tại cấp phúc thẩm, bị cáo H có làm đơn yêu cầu bồi thường thiệt hại với số tiền là 44.281.000 đồng. Tuy nhiên, yêu cầu này chưa được Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết, do vậy cần tách yêu cầu bồi thường thiệt hại của bị cáo H bằng một vụ án dân sự khác là phù hợp với quy định tại Điều 27, Điều 30 Bộ luật tố tụng hình sự.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104; điểm h khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Đặng Thị H;

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 104; điểm h, p khoản 1 Điều 46, Điều 31 Bộ luật hình sự năm 1999, sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh L; Áp dụng thêm Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20 tháng 6 năm 2017 của Quốc hội, Khoản 3 Điều 7; điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Trần Thị T;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 13/2018/HS-ST ngày 06 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar, tỉnh Đắk Lắk.

Xử phạt bị cáo Đặng Thị H 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội: “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Trần Thị T 09 (Chín) tháng cải tạo không giam giữ về tội: “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh L 06 (Sáu) tháng cải tạo không giam giữ về tội: “*Cố ý gây thương tích*”. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

Giao các bị cáo Đặng Thị H, Trần Thị T, Nguyễn Thị Thanh L cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk nơi các bị cáo cư trú để giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục các bị cáo.

Về án phí: Bị cáo Đặng Thị H phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000 đồng.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Đắk Lắk;
- Sở Tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- TAND huyện Cư M'gar;
- VKSND huyện Cư M'gar;
- Công an huyện Cư M'gar;
- Cơ quan T.H.A HS Công an huyện C;
- Chi cục T.H.A DS huyện C;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Doãn Đình Quyền